

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

*Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022
đã được soát xét*



Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 05
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	11 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	14 - 72



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cả (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ 6 tháng đầu năm 2022 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Cầu Đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 28 ngày 27 tháng 5 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2022 là:

4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất than cốc;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con: 08 Công ty con

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
		30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	22,64%	22,64%	26,77%	26,77%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	1,42%	1,42%	1,42%	1,42%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	21,22%	21,22%	25,35%	25,35%
2	Công ty Cổ Phần BOT Hưng Phát	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu Tư Hải Thạch B.O.T	83,70%	83,70%	83,70%	83,70%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	83,70%	83,70%	83,70%	83,70%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	43,18%	43,18%	60,16%	60,16%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	38,21%	38,21%	38,21%	38,21%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	4,97%	4,97%	21,95%	21,95%
5	Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
6	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	22,52%	22,52%	99,47%	99,47%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	22,52%	22,52%	99,47%	99,47%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	16,08%	16,08%	71,02%	71,02%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	16,08%	16,08%	71,02%	71,02%
8	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	15,47%	14,85%	68,34%	65,58%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	15,47%	14,85%	68,34%	65,58%

Công ty liên doanh, liên kết: 03 Công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
		30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	10,66%	10,65%	50,00%	50,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	10,66%	10,65%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	0,00%	30,00%	0,00%	30,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	0,00%	30,00%	0,00%	30,00%
3	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	7,15%	7,15%	31,60%	31,60%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	7,15%	7,15%	31,60%	31,60%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty liên doanh, liên kết: 03 Công ty liên kết (tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
		30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
4	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	37,73%	36,88%	37,73%	36,88%
	Tỷ lệ trực tiếp	37,73%	36,88%	37,73%	36,88%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên Công ty	Địa chỉ
- XN QL Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 1 - CN Cty CP Tập Đoàn Đèo Cả tại Phú Yên	- Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hoà, Phú Yên
- XN QL Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 2 - CN Cty CP Tập Đoàn Đèo Cả tại Lạng Sơn	- Thôn Đồn Vang, Xã Minh Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn
- Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đèo Cả Tại Cao Bằng	- Số 62, Tổ 7, Phường Sông Hiến, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam
- Văn phòng đại diện - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Hà Nội	- Tầng 16, Số 265 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2022 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông:	Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	16/06/2018	
Ông:	Võ Thụy Linh	Phó Chủ tịch	16/06/2018	
Ông:	Phan Văn Thắng	Phó Chủ tịch	12/05/2020	
Ông:	Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	05/04/2021	
Ông:	Phùng Tiến Thành	Phó Chủ tịch	05/04/2021	
Ông:	Nguyễn Quốc Ánh	Phó Chủ tịch	07/06/2021	
Ông:	Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch	10/12/2021	
Ông:	Nguyễn Văn Hải	Thành viên	09/12/2021	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông:	Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc	05/04/2021	
Ông:	Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc	05/04/2021	
Ông:	Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	05/04/2021	
Ông:	Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc	14/02/2022	
Ông:	Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	20/11/2017	
Ông:	Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc	24/11/2017	14/02/2022
Ông:	Nguyễn Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc	10/02/2020	14/02/2022
Ông:	Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	29/07/2020	14/02/2022
Ông:	Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	15/10/2020	
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	21/12/2020	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm: (tiếp theo)			<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông:	Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc	28/01/2021	
Ông:	Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	
Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:			<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông:	Lê Việt Anh	Trưởng Ban	27/06/2020	01/06/2022
Ông:	Tôn Quang Hùng	Trưởng Ban	01/06/2022	
Bà:	Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên	27/06/2020	
Ông:	Nguyễn Thanh Duy	Thành viên	09/12/2021	
Đại diện theo pháp luật:			<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông:	Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	20/05/2020	
Ông:	Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc	05/04/2021	
Ông:	Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	05/04/2021	
Ông:	Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc	05/04/2021	
Ông:	Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc	06/04/2022	
Kế toán trưởng:			<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông:	Phạm Lê Huy		14/05/2021	01/06/2022
Ông:	Lê Việt Anh		01/06/2022	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 kết thúc vào ngày 30/06/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hải



Số : 556 /BCSX/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 6 tháng đầu năm 2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả được lập ngày 16 tháng 08 năm 2022 từ trang 07 đến trang 72, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 6 tháng đầu năm 2022 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2022

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng giám đốc**Lê Văn Tuấn**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.744.241.499.791	4.224.303.016.424
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	797.936.671.072	1.218.946.678.670
111	1. Tiền		196.980.662.261	873.403.151.738
112	2. Các khoản tương đương tiền		600.956.008.811	345.543.526.932
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	55.107.100.000	55.107.100.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		55.107.100.000	55.107.100.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.234.994.587.539	2.358.116.306.733
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	811.231.760.671	891.250.606.582
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	606.236.381.233	501.596.738.394
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	1.315.996.623.501	621.116.623.501
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	501.529.822.134	344.152.338.256
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.07	581.434.295.857	541.576.498.515
141	1. Hàng tồn kho		581.434.295.857	541.576.498.515
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		74.768.845.323	50.556.432.506
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	12.338.604.799	1.189.629.840
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		53.874.705.841	49.366.802.666
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		8.555.534.683	
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.532.177.305.496	2.091.732.392.800
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		513.243.685.543	275.512.747.565
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	V.05	439.982.781.299	234.677.094.163
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.06	73.260.904.244	40.835.653.402
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		367.495.053.355	160.819.020.066
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	367.390.519.342	160.557.686.055
222	- Nguyên giá		479.766.105.939	249.144.685.669
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(112.375.586.597)	(88.586.999.614)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	104.534.013	261.334.011
228	- Nguyên giá		1.626.200.000	1.626.200.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.521.665.987)	(1.364.865.989)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	174.938.495.332	176.944.695.412
231	- Nguyên giá		196.763.594.014	196.763.594.014
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(21.825.098.682)	(19.818.898.602)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.08	19.237.389.027	14.199.911.683
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		19.237.389.027	14.199.911.683
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	1.455.531.352.779	1.464.131.352.779
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.232.531.352.779	1.232.531.352.779
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		203.000.000.000	211.600.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	20.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.731.329.460	124.665.295
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	1.731.329.460	124.665.295
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.276.418.805.287	6.316.035.409.224

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.545.571.813.035	2.624.387.388.780
310	I. Nợ ngắn hạn		1.151.451.178.152	1.453.495.651.327
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	656.543.701.528	970.715.760.910
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	28.015.105.654	31.574.456.385
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	20.287.248.220	12.421.652.068
314	4. Phải trả người lao động		16.808.495.374	14.583.240.415
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	23.281.120.087	10.453.640.344
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	171.383.465.428	174.120.459.666
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	233.932.041.861	238.426.441.539
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.200.000.000	1.200.000.000
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		1.394.120.634.883	1.170.891.737.453
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15	983.403.655.824	953.984.606.096
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.18	30.446.000.000	32.446.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	380.270.979.059	184.461.131.357
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.19	4.730.846.992.252	3.691.648.020.444
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.730.846.992.252	3.691.648.020.444
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.206.517.150.000	3.235.055.890.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.206.517.150.000	3.235.055.890.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		11.820.503.474	11.820.503.474
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.210.358.842	
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		508.298.979.936	444.771.626.970
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		440.561.268.128	23.735.742.813
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		67.737.711.808	421.035.884.157
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.276.418.805.287	6.316.035.409.224

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Công Nghĩa

Lê Việt Anh



Nguyễn Văn Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
			30/06/2022	30/06/2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	1.098.659.646.178	640.832.071.605
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.098.659.646.178	640.832.071.605
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	991.267.685.410	577.046.423.527
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		107.391.960.768	63.785.648.078
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	70.584.449.385	40.759.159.731
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	19.071.438.308	33.543.955.112
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		18.435.074.673	
25	8. Chi phí bán hàng			
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	V.05	74.891.961.738	36.999.196.445
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		84.013.010.107	34.001.656.252
31	11. Thu nhập khác	VI.06	4.357.560.488	1.004.648.283
32	12. Chi phí khác	VI.07	50.669.919	92.578.749
40	13. Lợi nhuận khác		4.306.890.569	912.069.534
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		88.319.900.676	34.913.725.786
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	20.582.188.868	7.486.575.960
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		67.737.711.808	27.427.149.826

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Lê Công Nghĩa

Kế toán trưởng

Lê Việt Anh

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022*

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
			30/06/2022	30/06/2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		88.319.900.676	34.913.725.786
2. Điều chỉnh cho các khoản				
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		25.951.587.061	9.580.135.544
03	- Các khoản dự phòng			
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(70.584.449.385)	(106.864.659.731)
06	- Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu		19.071.438.308	33.543.955.112
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		62.758.476.660	(28.826.843.289)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(137.495.527.779)	(28.212.625.335)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(39.857.797.342)	(191.452.440.603)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(365.632.353.134)	917.146.895.296
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(12.755.639.124)	(1.294.873.209)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(20.970.476.471)	(16.762.292.498)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.520.341.342)	(8.238.764.886)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(526.473.658.532)	642.359.055.476
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(188.635.667.176)	(39.762.663.400)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			66.105.500.000
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.811.520.318.567)	(730.030.000.000)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		911.334.631.431	531.809.045.781
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.300.000.000)	(195.700.000.000)
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.912.057.386	24.880.312.175
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.070.209.296.926)	(342.697.805.444)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
			30/06/2022	30/06/2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		971.461.260.000	
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		359.861.197.451	492.874.899.818
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(155.649.509.591)	(430.130.209.627)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.175.672.947.860	62.744.690.191
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(421.010.007.598)	362.405.940.223
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.218.946.678.670	522.830.724.590
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		797.936.671.072	885.236.664.813

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Công Nghĩa

Lê Việt Anh



Nguyễn Văn Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Cầu Đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 28 ngày 27 tháng 5 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2022 là: **4.206.517.150.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất than cốc;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

4. Cho năm sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm: 08 Công ty con

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
		30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	22,64%	22,64%	26,77%	26,77%
	Tỷ lệ trực tiếp	1,42%	1,42%	1,42%	1,42%
	Tỷ lệ gián tiếp	21,22%	21,22%	25,35%	25,35%
2	Công ty Cổ Phần BOT Hưng Phát	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
	Tỷ lệ trực tiếp	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu Tư Hải Thạch B.O.T	83,70%	83,70%	83,70%	83,70%
	Tỷ lệ trực tiếp	83,70%	83,70%	83,70%	83,70%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	43,18%	43,18%	60,16%	60,16%
	Tỷ lệ trực tiếp	38,21%	38,21%	38,21%	38,21%
	Tỷ lệ gián tiếp	4,97%	4,97%	21,95%	21,95%
5	Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
	Tỷ lệ trực tiếp	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
6	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	22,52%	22,52%	99,47%	99,47%
	Tỷ lệ gián tiếp	22,52%	22,52%	99,47%	99,47%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	16,08%	16,08%	71,02%	71,02%
	Tỷ lệ gián tiếp	16,08%	16,08%	71,02%	71,02%
8	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	15,47%	14,85%	68,34%	65,58%
	Tỷ lệ gián tiếp	15,47%	14,85%	68,34%	65,58%

- Công ty liên doanh, liên kết: 03 Công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
		30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	10,66%	10,65%	50,00%	50,00%
	Tỷ lệ gián tiếp	10,66%	10,65%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	0,00%	30,00%	0,00%	30,00%
	Tỷ lệ trực tiếp	0,00%	30,00%	0,00%	30,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Công ty liên doanh, liên kết: 03 Công ty liên kết (tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
		30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
3	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	7,15%	7,15%	31,60%	31,60%
	Tỷ lệ gián tiếp	7,15%	7,15%	31,60%	31,60%
4	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	37,73%	36,88%	37,73%	36,88%
	Tỷ lệ trực tiếp	37,73%	36,88%	37,73%	36,88%

II . NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1 . Chế độ kế toán:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ**

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng năm hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022**Đơn vị tính: VND*

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

+ Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

+ Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

- Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- + Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- + Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

- Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

+ Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

+ Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

+ Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Nguyên giá tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT, BT.

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT.:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.

Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOT, BT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT, BT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm). Việc xác định giá trị tài sản cố định hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.”

7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

16 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**- Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng;
- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong kỳ và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCĐN-VP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020 . Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong kỳ sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các kỳ tiếp theo.

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong kỳ:

$$\text{Chi phí lãi vay trong kỳ} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}} \times \text{Doanh thu thực hiện trong kỳ}$$

20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trên báo cáo công ty do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

22 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Công cụ tài chính**a. Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	2.443.606.202	1.900.353.672
- VND	2.443.606.202	1.900.353.672
Tiền gửi không kỳ hạn	194.537.056.059	871.502.798.066
- Tiền gửi (VND)	194.532.439.931	871.498.181.938
- Tiền gửi (USD)	4.616.128	4.616.128
Các khoản tương đương tiền	600.956.008.811	345.543.526.932
- Tiền gửi có kỳ hạn	600.956.008.811	345.543.526.932
Cộng	797.936.671.072	1.218.946.678.670



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
6 tháng đầu năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	30/06/2022	01/01/2022
Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc
a1) Ngắn hạn	55.107.100.000	55.107.100.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	55.107.100.000	55.107.100.000
a2) Dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000
- Trái phiếu	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	75.107.100.000	75.107.100.000

(*) Thông tin trái phiếu

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	80.000	Mệnh giá	100.000	Tổng trị giá	8.000.000.000	Lãi suất trả sau	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
						Lãi suất tham chiếu +0,9% / năm	24/09/2020	24/09/2028
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.000		10.000.000		10.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1,2% / năm	27/09/2019	27/09/2029
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	20.000		100.000		2.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1% / năm	18/11/2021	18/11/2031

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022	01/01/2022	
Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con	1.232.531.352.779	1.232.531.352.779	101.930.959.500
+ Công ty Cp ĐT Hạ tầng Giao thông Đèo Cà (***)	50.251.352.779	44.144.820.750	101.930.959.500
+ Công ty CP ĐT và Xây dựng ICV Việt Nam (*)	23.500.000.000		23.500.000.000
+ Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát (*)	207.000.000.000		207.000.000.000
+ Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cà (*)	6.650.000.000		6.650.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T (*)	945.130.000.000		945.130.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
6 tháng đầu năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)	30/06/2022	01/01/2022
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	203.000.000.000	211.600.000.000
+ Công ty CP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (*)	203.000.000.000	195.700.000.000
+ Công ty CP Tư vấn Xây dựng Hoàng Long (**)		15.900.000.000
Cộng	1.435.531.352.779	1.444.131.352.779
	44.144.820.750	101.930.959.500

(*) Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty trên chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC. Tuy nhiên Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của khoản đầu tư cao hơn so với giá trị sổ sách đang ghi nhận.

(**) Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2022 Công ty đã thực hiện thoái vốn phần đầu tư vào Công ty CP Tư vấn Xây dựng Hoàng Long theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2022/CNCP-HOANGLONG ký ngày 30 tháng 03 năm 2022.

(***) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, giá trị hợp lý của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (HHV) lớn hơn giá gốc.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
a) Ngắn hạn	811.231.760.671		891.250.606.582	
Bên khác	176.859.120.914		114.036.484.432	
+ Công ty CPĐT & XD CT Tây An	2.198.083.857		669.315.657	
+ Ban QLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Dân Dụng Và Công Nghiệp Tỉnh Quảng Ninh	39.153.541.000		29.572.180.000	
+ BQL dự án Thăng Long - Bộ GTVT	32.666.817.696		10.317.351.256	
+ Công ty TNHH Đầu tư và XD INDEC	23.380.044.902		3.095.168.730	
+ Ban QLDA Đầu Tư Xây Dựng Thành Phố Tuy Hòa	19.554.694.347		19.554.694.347	
+ Ban Quản Lý Dự Án 6	12.052.569.175		2.540.081.378	
+ Ban QLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Giao Thông Tỉnh Quảng Ninh	9.794.417.000		20.781.706.000	
+ Công ty Cổ Phần Truyền Thông Đầu Tư Việt	7.553.643.645		5.629.390.676	
+ Công ty CP Đầu Tư XD Thương Mại Tân Hoàng Long	7.405.355.700		4.185.363.000	
+ Đối tượng khác	23.099.953.592		17.691.233.388	
Bên liên quan	634.372.639.757		777.214.122.150	
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	1.057.893.307		768.786.907	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	38.713.035.394		32.423.041.004	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	670.739.060			
+ Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	10.943.698.614		5.582.720.319	
+ Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	165.659.751		146.940.155	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	279.139.803.641		277.399.039.733	
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	118.136.878.144		117.455.215.365	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	1.645.361.942		1.591.244.900	
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	95.349.930		95.349.930	
+ Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	35.831.997.195		10.420.076.322	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
Bên liên quan (tiếp theo)				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	69.572.706			
+ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	112.252.800.282		251.050.378.045	
+ Công ty TNHH Đèo Cả Capital	335.624.850		335.624.850	
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	34.741.756.480		73.331.413.874	
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	21.036.330		21.036.330	
+ Công ty CP Tập đoàn ĐT XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	106.900.000		106.900.000	
+ Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Thạch	3.203.361		771.750	
+ Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	441.328.770			
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long			6.485.582.666	
Cộng	811.231.760.671		891.250.606.582	

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
a) Ngắn hạn	606.236.381.233		501.596.738.394	
Bên khác	430.657.883.546		376.540.010.011	
+ Công ty Cổ Phần Xây Lắp 368	59.857.192.526		26.408.103.816	
+ Công ty CP Đầu Tư Năng Ban Mai	55.105.565.436		55.105.565.436	
+ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thịnh Phát	48.932.460.127		45.126.130.127	
+ Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	11.444.694.830			
+ Công ty Cổ Phần Máy Và Phụ Tùng T&C	39.243.600.000			
+ Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	25.800.000.000		25.800.000.000	
+ Công ty TNHH Nhạc Sơn	25.514.273.689		11.186.391.641	
+ Công ty TNHH Thương Mại Trung Tín H.B	18.288.838.711		18.288.838.711	
+ Công ty TNHH Vật Liệu Ngoại Thất Nhật Bản	18.244.172.045		18.244.172.045	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

04. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
a) Ngắn hạn (tiếp theo)				
+ Công ty Cổ Phần Thương Mại - Dịch Vụ Huy Thiên Phú	10.319.816.763		10.319.816.763	
+ Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Xây Dựng Hoàng Long	9.570.467.445		9.570.467.445	
+ Công ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng Thành Long	7.271.476.410		7.271.476.410	
+ Công ty TNHH Quốc Khánh 68	6.904.136.376			
+ Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	6.149.500.000		6.149.500.000	
+ Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Cmh Việt Nam	6.124.681.000		25.500.000.000	
+ Công ty Cổ Phần Thiết Bị Và Dịch Vụ Kỹ Thuật Thanh Long	6.072.904.800			
+ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Công Trình An Phát	5.759.791.738			
+ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng - Thương Mại Bình An	5.141.567.000		5.141.567.000	
+ Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Trí Nam	2.147.065.441		28.500.000.000	
+ Đối tượng khác	62.765.679.209		83.927.980.617	
Bên liên quan	175.578.497.687		125.056.728.383	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	113.371.992.948		71.169.679.566	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	13.950.019.272			
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	13.868.293.979		8.556.967.944	
+ Công ty CP Tập đoàn ĐT XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	33.487.391.488		33.487.391.488	
+ Công ty cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	900.800.000			
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long			11.842.689.385	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

05 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
a) Ngắn hạn	1.315.996.623.501		621.116.623.501	
Bên khác	451.734.727.898		336.004.727.898	
+ Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng Công Trình Tây An (1)	25.166.727.898		24.166.727.898	
+ Công ty CP Xây lắp 368 (2)			7.518.000.000	
+ Công ty Cổ Phần Bê Tông Hà Thanh (3)	15.000.000.000		15.000.000.000	
+ Công ty TNHH MTV Đầu Tư Sài Gòn (4)	2.100.000.000		27.400.000.000	
+ Công ty TNHH MTV Nihon Vina (5)	20.000.000.000		20.000.000.000	
+ Nguyễn Tiến Nam (6)	149.032.000.000		158.000.000.000	
+ Công ty Thương Mại - Đầu Tư Xây Dựng Thành Lợi - (TNHH) (7)	200.000.000.000			
+ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Đèo Cà - Huy Hoàng	15.346.000.000			
+ Công ty Cổ Phần Truyền Thông Đầu Tư Việt	12.350.000.000			
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	11.000.000.000			
+ Công ty CP Bất Động Sản Đèo Cà (12)			83.000.000.000	
+ Đối tượng khác	1.740.000.000		920.000.000	
Bên liên quan	864.261.895.603		285.111.895.603	
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch (8)			203.200.000.000	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cà (9)	42.131.895.603		36.731.895.603	
+ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (10)	13.730.000.000		5.280.000.000	
+ Công ty CP Tập đoàn ĐT XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	28.900.000.000		28.900.000.000	
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long (11)			11.000.000.000	
Công ty CP Bất Động Sản Đèo Cà (12)	103.000.000.000			
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc (13)	676.500.000.000			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

05. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
b) Dài hạn	439.982.781.299		234.677.094.163	
Bên khác	2.500.000.000		2.500.000.000	
+ CN Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z tại Tp.HCM (14)	2.500.000.000		2.500.000.000	
Bên liên quan	437.482.781.299		232.177.094.163	
+ Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào (15)	343.056.352.023		154.683.196.154	
+ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (16)	94.426.429.276		77.493.898.009	
Cộng	1.755.979.404.800		855.793.717.664	

Ghi chú:

- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2022.
- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất là 14%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2022.
- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay số 1012/2019/DCG-HATHANH ngày 10/12/2019 và phụ lục 01 ngày 10/12/2021; lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn gia hạn đến tháng 6 năm 2022.
- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất là 9%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 2 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2022.
- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn, được đảm bảo bởi toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn tiền vay là máy móc thiết bị và hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2022.
- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2022.
- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay số 0706/2022/HDVT-DCG-TL ngày 07/06/2022; lãi suất là 0,3%/năm. Thời gian vay 20 ngày kể từ thời điểm nhận khoản tiền vay.
- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 11 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2022.
- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2022.
- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2022.
- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2022.
- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay số 0103/2022/DCG-NII ngày 01/03/2022; lãi suất là 8,5%/năm. Thời gian vay 12 tháng kể từ thời điểm nhận khoản tiền vay.
- Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2022.
- Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐHT/BOT TLMT - DCG ngày 01/08/2021
- Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1210/2021/HĐHT/BOT CLVH - DCG ngày 12/10/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

06 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
a) Ngắn hạn	501.529.822.134		344.152.338.256	
Tạm ứng	113.676.720.364		34.249.807.568	
Ký cược, ký quỹ	604.149.520		586.149.520	
- Bên khác	597.500.000		579.500.000	
- Bên liên quan	6.649.520		6.649.520	
+ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	6.649.520		6.649.520	
Phải thu khác	387.248.952.250		309.316.381.168	
- Bên khác	282.662.689.607		225.981.572.174	
+ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng B.M.T	152.000.000.000		120.000.000.000	
+ Ban Đồng Đăng Trà Lĩnh	31.000.000.000		30.500.000.000	
+ Đình Văn Chương	48.173.069.209		48.173.069.209	
+ Đối tượng khác	51.489.620.398		27.308.502.965	
- Bên liên quan	104.586.262.643		83.334.808.994	
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch			4.303.095.023	
+ Ông Hồ Minh Hoàng	50.000.000.000		50.000.000.000	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	24.490.520.434		22.830.493.303	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	3.660.218.488		382.584.615	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	3.065.863.014		3.065.863.014	
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	323.064.000		323.064.000	
+ Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	4.383.562		4.383.562	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	15.677.231.767		59.039.987	
+ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	230.877.270		230.877.270	
+ Công ty CP Tập đoàn ĐT XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	3.281.906.850		2.135.408.220	
+ Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	3.852.197.258			
b) Dài hạn	73.260.904.244		40.835.653.402	
Ký cược, ký quỹ	73.260.904.244		40.835.653.402	
- Bên khác	37.097.338.444		29.977.378.422	
- Bên liên quan	36.163.565.800		10.858.274.980	
+ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	36.163.565.800		10.858.274.980	
Cộng	574.790.726.378		384.987.991.658	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

07 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Trích lập dự phòng	Giá gốc	Trích lập dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	56.872.767.494		28.800.490.300	
- Công cụ, dụng cụ	1.438.473.424		738.643.170	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	523.123.054.939		508.226.070.738	
- Hàng hóa			3.811.294.307	
Cộng	581.434.295.857		541.576.498.515	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

08 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) XD cơ bản dở dang

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí chuẩn bị dự án đầu tư	19.237.389.027	14.199.911.683
Cộng	19.237.389.027	14.199.911.683

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
6 tháng đầu năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

09 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm		157.526.871.127	79.402.164.031	2.777.214.888	9.438.435.623	249.144.685.669
2. Số tăng trong kỳ		190.987.166.318	38.156.659.591	1.035.957.997	441.636.364	230.621.420.270
- Mua trong kỳ		190.987.166.318	38.156.659.591	1.035.957.997	441.636.364	230.621.420.270
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối kỳ		348.514.037.445	117.558.823.622	3.813.172.885	9.880.071.987	479.766.105.939
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm		53.692.291.226	26.959.626.265	959.234.494	6.975.847.629	88.586.999.614
2. Khấu hao trong kỳ		15.265.193.022	7.850.885.642	199.847.113	472.661.206	23.788.586.983
- Khấu hao trong kỳ		15.265.193.022	7.850.885.642	199.847.113	472.661.206	23.788.586.983
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối kỳ		68.957.484.248	34.810.511.907	1.159.081.607	7.448.508.835	112.375.586.597
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm		103.834.579.901	52.442.537.766	1.817.980.394	2.462.587.994	160.557.686.055
2. Tại ngày cuối kỳ		279.556.553.197	82.748.311.715	2.654.091.278	2.431.563.152	367.390.519.342

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 206.449.202.336 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.857.193.836 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm		1.626.200.000		1.626.200.000
2. Số tăng trong kỳ				
- Mua trong kỳ				
3. Số giảm trong kỳ				
- Thanh lý, nhượng bán				
4. Số dư cuối kỳ		1.626.200.000		1.626.200.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm		1.364.865.989		1.364.865.989
2. Khấu hao trong kỳ		156.799.998		156.799.998
- Khấu hao trong kỳ		156.799.998		156.799.998
3. Giảm trong kỳ				
- Thanh lý, nhượng bán				
4. Số dư cuối kỳ		1.521.665.987		1.521.665.987
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm		261.334.011		261.334.011
2. Tại ngày cuối kỳ		104.534.013		104.534.013

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 58.200.000 VND

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
BĐS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	196.763.594.014			196.763.594.014
- Quyền sử dụng đất	97.272.727.273			97.272.727.273
- Nhà	99.490.866.741			99.490.866.741
- Nhà và quyền sử dụng đất				
Giá trị hao mòn lũy kế	19.818.898.602	2.006.200.080		21.825.098.682
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	19.818.898.602	2.006.200.080		21.825.098.682
- Nhà và quyền sử dụng đất				
Giá trị còn lại	176.944.695.412			174.938.495.332
- Quyền sử dụng đất	97.272.727.273			97.272.727.273
- Nhà	79.671.968.139			77.665.768.059
- Nhà và quyền sử dụng đất				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 174.938.495.332 VND
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Ngắn hạn**

Công cụ, dụng cụ xuất dùng

b) Dài hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Cộng

	30/06/2022	01/01/2022
12.338.604.799	1.189.629.840	1.189.629.840
12.338.604.799	1.189.629.840	1.189.629.840
1.731.329.460	124.665.295	124.665.295
1.731.329.460	124.665.295	124.665.295
14.069.934.259	1.314.295.135	1.314.295.135

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**a) Vay ngắn hạn****Trong kỳ****01/01/2022**

	30/06/2022	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bên khác	233.932.041.861	233.932.041.861	233.932.041.861	151.155.109.913	122.305.721.498	205.082.653.446	205.082.653.446
Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	138.583.985.633	138.583.985.633	138.583.985.633	72.939.542.441	96.347.314.569	161.991.757.761	161.991.757.761
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng A2Z					6.100.000.000	6.100.000.000	6.100.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Chính Toyota Việt Nam	139.200.000	139.200.000	139.200.000		139.200.000	278.400.000	278.400.000
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi Nhánh Thăng Long	95.208.856.228	95.208.856.228	95.208.856.228	78.215.567.472	10.910.278.916	27.903.567.672	27.903.567.672
Ngân Hàng Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 4 TPHCM					8.808.928.013	8.808.928.013	8.808.928.013
Bên liên quan	33.343.788.093	33.343.788.093	33.343.788.093	743.788.093	743.788.093	33.343.788.093	33.343.788.093
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch					743.788.093	743.788.093	743.788.093
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam					2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỀ CẢ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

6 tháng đầu năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Vay ngắn hạn (tiếp theo)	30/06/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bên liên quan						
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc					30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	233.932.041.861	233.932.041.861	151.155.109.913	155.649.509.591	238.426.441.539	238.426.441.539

b) Vay dài hạn	30/06/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	380.270.979.059	380.270.979.059	204.506.484.067	8.696.636.365	184.461.131.357	184.461.131.357
Vay dài hạn	183.834.615.424	183.834.615.424	49.506.484.067	9.333.000.000	143.661.131.357	143.661.131.357
Công Ty TNHH Đồng Thuận Hà (1)	30.465.000.000	30.465.000.000			30.465.000.000	30.465.000.000
Công Ty TNHH Phúc Thịnh 68 (2)	24.272.368.569	24.272.368.569	1.350.368.569	9.333.000.000	32.255.000.000	32.255.000.000
Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Chính Toyota Việt Nam	696.000.000	696.000.000			696.000.000	696.000.000
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Xây Dựng Hoàng Long (3)	33.035.000.000	33.035.000.000			33.035.000.000	33.035.000.000
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi Nhánh Thăng Long	95.366.246.855	95.366.246.855	48.156.115.498		47.210.131.357	47.210.131.357

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

b) Vay dài hạn (tiếp theo)	30/06/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm						
Trái phiếu (*)	196.436.363.635	196.436.363.635	155.000.000.000	(636.363.635)	40.800.000.000	40.800.000.000
Trái phiếu phát hành	200.000.000.000	200.000.000.000	159.200.000.000		40.800.000.000	40.800.000.000
Phần bổ chi phí phát hành trái phiếu	(3.563.636.365)	(3.563.636.365)	(4.200.000.000)	(636.363.635)		
Cộng	380.270.979.059	380.270.979.059	204.506.484.067	8.696.636.365	184.461.131.357	184.461.131.357
Ghi chú (*)		30/06/2022			01/01/2022	
Trái phiếu thường	Giá trị	Lãi suất	Thời hạn	Giá trị	Lãi suất	Thời hạn
	200.000.000.000	11,5%	3 năm	40.800.000.000	11,5%	3 năm
Cộng	200.000.000.000			40.800.000.000		

Đây là khoản huy động bằng việc phát hành trái phiếu theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam để tài trợ xây dựng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm – Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT. Gói trái phiếu có tổng mệnh giá 200 tỷ Đồng, ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 10 năm 2024. Lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ thời hạn 3 năm của trái phiếu được xác định là 11,5%/năm. Trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phần của Công ty CP Đầu Tư Hải Thạch BOT sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, tương ứng với tổng giá trị hợp lý tối thiểu 150% giá trị phát hành



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

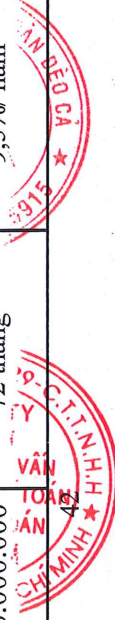
Đơn vị tính: VND

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngân hàng:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
NH TMCP Tiên phong - CN Thăng Long	38/2021/HDDTD/TTK DMDH/02	300.000.000.000	12 tháng	Tuỳ theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	Ký quỹ, và các biện pháp bảo đảm khác
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	01/2021/8162427/HĐ TD	1.500.000.000.000	09 tháng	Theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Thế chấp quyền tài sản, quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ Vốn
Công ty CP tư vấn XD A2Z	3105/2021/HĐVV/A2Z- DCG	62.200.000.000	12 tháng	8.5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2020/HDDTD/TTK D MDH/03	1.740.000.000	60 tháng	9,5%/ năm	Mua xe Cruise Prado	Mua xe Toyota Land Cruise Prado
NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2019/HDDTD/TTK D MDH/02	6.500.000.000	60 tháng	9,5%/ năm	Mua xe land rover	Xe Land Rover
NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2019/HDDTD/TTK D MDH/04	3.150.000.000	60 tháng	9,5%/ năm	Mua xe Lexus	Xe Lexus
NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2019/HDDTD/TTK D MDH/07	1.870.000.000	72 tháng	9,5%/ năm	Mua xe Lexus	Xe Lexus



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn (tiếp theo)

NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2019/HĐTD/TTK D MDH/15	9.570.000.000	60 tháng	9,5%/ năm	Mua xe maybach	Xe maybach
NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2019/HĐTD/TTK D MDH/16	12.984.000.000	60 tháng	9,5%/ năm	Mua 2 máy đào	2 Máy đào
NH Tiên phong - CN Thăng Long	38/2021/HĐTD/TTKD MDH/01	2.535.000.000	60 tháng	9,5%/ năm	Mua 2 xe lu rung	2 xe lu rung
NH Tiên phong - CN Thăng Long	38/2021/HĐTD/TTKD MDH/01	9.990.000.000	60 tháng	8,5%/năm	Mua 08 xe lu rung	08 xe lu rung
NH Tiên phong - CN Thăng Long	57/2021/HĐTD/TTKD MDH/01	8.337.484.500	36 tháng	8,5%/năm	Mua 02 máy phun	02 máy phun
NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2021/HĐTD/TTK DMDH/02	21.291.000.000	60 tháng	8,5%/năm	Mua 02 máy khoan hầm	02 máy khoan hầm
Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Toyota Việt Nam	Hợp đồng số 1000481368 ngày 27/05/2020	1.392.000.000	60 tháng	6,99% năm	Mua xe Prado	xe Prado
NH Tiên phong - CN Thăng Long	47/2022/HĐTD/TTKD MDH	1.348.100.000	36 tháng	8,5 %/năm	Mua máy phun bê tông	Máy phun bê tông
NH Tiên phong - CN Thăng Long	44/2022/HĐTD/TTKD MDH	3.592.000.000	60 tháng	9,3 %/năm	Mua xe Volvo	Xe Volvo
NH Tiên phong - CN Thăng Long	34/2022/GNN/TTKD MDH	9.880.000.000	60 tháng	8,5 %/năm	Mua 10 xe lu rung	10 xe lu rung



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn (tiếp theo)

NH Tiên phong - CN Thăng Long	34/2022/HĐTD/TTKD MDH	9.650.000.000	60 tháng	8,5 %/năm	Mua 10 xe lu rung	10 xe lu rung
NH Tiên phong - CN Thăng Long	33/2022/HĐTD/TTKD MDH	3.816.000.000	36 tháng	8,5 %/năm	Mua 04 xe oto tải	04 xe oto tải
NH Tiên phong - CN Thăng Long	33/2022/HĐTD/TTKD MDH	3.816.000.000	36 tháng	8,5 %/năm	Mua 04 xe oto tải	04 xe oto tải
NH Tiên phong - CN Thăng Long	33/2022/HĐTD/TTKD MDH	3.816.000.000	36 tháng	8,5 %/năm	Mua 04 xe oto tải	04 xe oto tải
NH Tiên phong - CN Thăng Long	33/2022/HĐTD/TTKD MDH	2.862.000.000	36 tháng	8,5 %/năm	Mua 03 xe oto tải	03 xe oto tải
NH Tiên phong - CN Thăng Long	34/2022/HĐTD/TTKD MDH	4.920.000.000	36 tháng	8,5 %/năm	Mua 05 xe lu rung	05 xe lu rung
NH Tiên phong - CN Thăng Long	08/2022/HĐTD/TTKD MDH	10.800.000.000	36 tháng	8,5 %/năm	Mua 12 xe Howo	12 xe Howo

- (1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06 - 10/2021/HĐHT/DCG - DTH ngày 06/10/2021 giữa Công ty với Công ty TNHH Đồng Thuận Hà
- (2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07XL/2021/HĐHTKD/DCG - PT68 ngày 08/12/2021 giữa Công ty với Công ty TNHH Phúc Thịnh 68
- (3) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10-XL/2021/HĐXL/DCG - HL ngày 11/10/2021 giữa Công ty với Công ty CP TM XD Hoàng Long

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

30/06/2022

01/01/2022

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	656.543.701.528	656.543.701.528	970.715.760.910	970.715.760.910
Bên khác	408.413.733.034	408.413.733.034	435.421.050.269	435.421.050.269
Công ty Cổ Phần Xây Lấp 368	43.933.269.154	43.933.269.154	64.842.691.563	64.842.691.563
Công ty TNHH SP4AN	31.926.486.655	31.926.486.655	31.926.486.655	31.926.486.655
Công ty Cp Dầu Tư Xây Dựng Thương Mại Tân Hoàng Long	21.420.526.980	21.420.526.980	19.757.709.446	19.757.709.446
Công ty Cổ Phần Xây Lấp Và Thương Mại Dịch Vụ Tân Khang	20.634.565.971	20.634.565.971	118.008.861	118.008.861
Wonder Synergy	17.242.097.382	17.242.097.382	17.242.097.382	17.242.097.382
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Đầu Tư Bình Minh	16.853.760.000	16.853.760.000	16.853.760.000	16.853.760.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại - Dịch Vụ Huy Thiên Phú	14.558.467.000	14.558.467.000	14.558.467.000	14.558.467.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Và Xây Dựng Hoàng Long	12.463.408.837	12.463.408.837	12.463.408.837	12.463.408.837
Công ty Cổ Phần Kim Khí Miền Trung	9.974.897.337	9.974.897.337	1.179.821.861	1.179.821.861
Công ty TNHH Phát Triển Xây Dựng Và Thương Mại	9.100.000.000	9.100.000.000		
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Và Dịch Vụ TCE	9.092.000.000	9.092.000.000		
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	8.891.629.095	8.891.629.095	16.781.635.095	16.781.635.095
Công ty TNHH Thiết Bị Xây Dựng Công Nghệ Nam Anh	8.675.311.000	8.675.311.000	9.797.954.441	9.797.954.441
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại An Phú Thành	8.473.526.992	8.473.526.992	28.737.718.805	28.737.718.805
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Xây Dựng An Phát	8.253.562.503	8.253.562.503	8.253.562.503	8.253.562.503
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Toji	7.980.347.717	7.980.347.717	18.550.347.717	18.550.347.717
Công ty CP Đầu Tư Năng Ban Mai	7.602.497.253	7.602.497.253	7.602.497.253	7.602.497.253
Phải trả cho các đối tượng khác	151.337.379.158	151.337.379.158	166.754.882.850	166.754.882.850



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

30/06/2022

01/01/2022

a) Ngắn hạn (tiếp theo)**Bên liên quan**

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	248.129.968.494	248.129.968.494	535.294.710.641	535.294.710.641
Công ty Cổ phần Dầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	1.140.000.000	1.140.000.000	960.000.000	960.000.000
Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	96.869.535.735	96.869.535.735	211.651.377.893	211.651.377.893
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	32.838.722.802	32.838.722.802	72.393.109.517	72.393.109.517
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	3.435.267.480	3.435.267.480	1.419.620.800	1.419.620.800
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	113.656.591.477	113.656.591.477	248.680.751.431	248.680.751.431
	189.851.000	189.851.000	189.851.000	189.851.000

b) Dài hạn**Cộng**

656.543.701.528	656.543.701.528	970.715.760.910	970.715.760.910
-----------------	-----------------	-----------------	-----------------

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

30/06/2022

01/01/2022

a) Ngắn hạn**Bên khác**

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Tư vấn Lộc Phát Lộc	28.015.105.654	28.015.105.654	31.574.456.385	31.574.456.385
Công ty TNHH Phúc Thịnh 68	5.349.383.785	5.349.383.785	3.400.000.000	3.400.000.000
	5.349.383.785	5.349.383.785	3.400.000.000	3.400.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

30/06/2022

01/01/2022

a) Ngắn hạn (tiếp theo)**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả

b) Dài hạn**Bên khác**

BQLDA Giao Thông Tỉnh Bình Định

BQLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Giao Thông Tỉnh Quảng Ninh

BQLDA Đầu Tư Xây Dựng Tỉnh Phú Yên

Ban Quản Lý Dự Án 6

BQLDA Thăng Long

BQLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Dân Dụng Và Công Nghiệp Tỉnh Quảng Ninh

Công ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng Indec

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	22.665.721.869	22.665.721.869	28.174.456.385	28.174.456.385
	6.926.696.592	6.926.696.592	8.734.516	8.734.516
	25.843.360	25.843.360	6.926.696.592	6.926.696.592
	524.054.900	524.054.900	25.843.360	25.843.360
	15.189.127.017	15.189.127.017	524.054.900	524.054.900
	983.403.655.824	983.403.655.824	20.689.127.017	20.689.127.017
	537.243.573.859	537.243.573.859	953.984.606.096	953.984.606.096
	159.778.923.000	159.778.923.000	457.550.098.270	457.550.098.270
	53.067.265.000	53.067.265.000	6.560.218.000	6.560.218.000
	57.878.767.299	57.878.767.299	55.306.800.000	55.306.800.000
	85.002.648.019	85.002.648.019	53.107.515.300	53.107.515.300
	139.722.369.000	139.722.369.000	127.672.307.844	127.672.307.844
	41.793.601.541	41.793.601.541	203.575.369.000	203.575.369.000
	446.160.081.965	446.160.081.965	11.327.888.126	11.327.888.126
	27.191.086.502	27.191.086.502	496.434.507.826	496.434.507.826
	543.049.416	543.049.416	27.191.086.502	27.191.086.502
			543.049.416	543.049.416

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

		Đơn vị tính: VND		
		30/06/2022	01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Dài hạn (tiếp theo)				
Bên liên quan (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	366.657.992.356	366.657.992.356	296.978.594.438	296.978.594.438
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận			142.921.777.470	142.921.777.470
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	51.767.953.691	51.767.953.691	28.800.000.000	28.800.000.000
Cộng	1.011.418.761.478	1.011.418.761.478	985.559.062.481	985.559.062.481

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

		01/01/2022		30/06/2022		
	Phải thu	Phải trả	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Phải thu	Phải trả
Thuế thu nhập doanh nghiệp		11.440.357.955	20.582.188.868	12.520.341.342		19.502.205.481
Thuế thu nhập cá nhân		981.294.113	2.259.893.648	2.682.753.981		558.433.780
Thuế GTGT đầu ra				8.555.534.683		8.555.534.683
Thuế tài nguyên			648.907.094	471.424.186		177.482.908
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			1.024.477.896	975.351.845		49.126.051
Cộng		12.421.652.068	24.515.467.506	25.205.406.037	8.555.534.683	20.287.248.220

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022	01/01/2022
17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ		
a) Ngắn hạn	23.281.120.087	10.453.640.344
Chi phí đào tạo nhân viên	5.980.000.000	5.980.000.000
Chi phí trích trước các dự án	17.299.889.313	3.782.862.262
Chi phí phải trả khác	1.230.774	690.778.082
b) Dài hạn		
Cộng	23.281.120.087	10.453.640.344
18. PHẢI TRẢ KHÁC		
a) Ngắn hạn	171.383.465.428	174.120.459.666
Kinh phí công đoàn	555.650.902	110.643.232
Bảo hiểm xã hội	868.556.500	694.190.750
Bảo hiểm y tế	167.278.365	128.968.995
Bảo hiểm thất nghiệp	34.742.260	28.306.730
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	480.000.000	1.030.000.000
- Bên khác	330.000.000	880.000.000
- Bên liên quan	150.000.000	150.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	100.000.000	100.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	169.277.237.401	172.128.349.959
- Bên khác	142.336.231.457	141.824.659.905
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Phương Trang - Futa Group	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh	47.053.903.226	47.053.903.226
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung Group	49.967.800.000	49.967.800.000
+ Ban Đồng Đăng Trà Lĩnh	28.000.000.000	28.000.000.000
+ Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng A2Z	5.811.128.159	5.676.793.913
+ Đối tượng khác	6.503.400.072	6.126.162.766
- Bên liên quan	26.941.005.944	30.289.444.659
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch		14.998.028
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	219.747.945	3.400.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	1.419.987.208	1.530.987.208
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc		1.616.986.302
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	25.301.270.791	23.726.473.121
b) Dài hạn	30.446.000.000	32.446.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	30.446.000.000	32.446.000.000
+ Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng H.P.T	30.446.000.000	30.446.000.000
+ Tổng Công ty Xây Dựng Trường Sơn		2.000.000.000
Cộng	201.829.465.428	206.566.459.666

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỀ CẢ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
6 tháng đầu năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm 2021						
Vào ngày 01/01/2021	2.495.672.790.000				236.410.069.487	2.732.082.859.487
Tăng vốn trong kỳ trước						
Lãi trong kỳ trước					27.427.149.826	27.427.149.826
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Vào ngày 30/06/2021	2.495.672.790.000				263.837.219.313	2.759.510.009.313
Cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm 2022						
Vào ngày 01/01/2022	3.235.055.890.000		11.820.503.474		444.771.626.970	3.691.648.020.444
Tăng vốn trong kỳ này	971.461.260.000					971.461.260.000
Lãi trong kỳ này				4.210.358.842	67.737.711.808	67.737.711.808
Trích quỹ khác (*)					(4.210.358.842)	
Vào ngày 30/06/2022	4.206.517.150.000		11.820.503.474	4.210.358.842	508.298.979.936	4.730.846.992.252

(*): Trích quỹ theo nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ký ngày 06 tháng 04 năm 2022.

Ghi chú: Trên cơ sở các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/4/2022, trong kỳ công ty đã phát hành 97.146.126 cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với giá phát hành và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

19. 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2022	%	01/01/2022	%
Vốn góp của các cổ đông	4.206.517.150.000	100,00%	3.235.055.890.000	100,00%
- Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	725.843.530.000	17,3%	603.020.000.000	18,64%
- Võ Thụy Linh	107.557.570.000	2,6%	153.444.400.000	4,74%
- Công ty TNHH Đèo Cả Capital (*)	147.686.300.000	3,5%	147.686.300.000	4,57%
- Hồ Minh Hoàng	2.008.241.920.000	47,7%	1.640.735.280.000	50,72%
- Đối tượng khác	1.217.187.830.000	28,9%	690.169.910.000	21,33%
Cộng	4.206.517.150.000	100,00%	3.235.055.890.000	100,00%

(*) Công ty TNHH Đèo Cả Capital được đổi tên từ Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2022

19. 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	3.235.055.890.000	2.495.672.790.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	971.461.260.000	
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	4.206.517.150.000	2.495.672.790.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

19. 4. Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	420.651.715	249.567.279
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	420.651.715	249.567.279
- Cổ phiếu phổ thông	420.651.715	249.567.279
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	30/06/2022	01/01/2022
- Dollar Mỹ (USD)	200,80	200,80

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2022	30/06/2021
Doanh thu bán hàng hóa	10.975.176.862	72.846.979.321
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.225.791.286	10.069.026.990
+ Cho thuê thiết bị	6.424.426.573	3.682.660.000
+ Dịch vụ khác	3.199.775.256	2.064.545.455
+ Vé máy bay	4.478.681.463	3.511.514.630
+ Hoa hồng bảo hiểm	122.907.994	810.306.905
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.059.579.271.120	475.030.210.489
Doanh thu bất động sản đầu tư	13.879.406.910	82.885.854.805
Cộng	1.098.659.646.178	640.832.071.605

Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan :

Doanh thu bán hàng hóa	6.568.639.557	70.821.883.867
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.501.791.862	8.451.484.108
+ Cho thuê thiết bị	6.424.426.573	1.982.727.273
+ Dịch vụ khác	3.068.375.256	3.682.660.000
+ Vé máy bay	3.008.990.033	2.786.096.835
Doanh thu hợp đồng xây dựng	724.202.688.323	247.673.869.218
Doanh thu bất động sản đầu tư	11.691.397.110	78.749.239.874
Cộng	754.964.516.852	405.696.477.067

02. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2022	30/06/2021
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.967.531.505	63.273.106.578
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.909.321.773	6.020.810.710
+ Cho thuê thiết bị	5.278.495.899	438.945.721
+ Dịch vụ khác	2.142.323.817	2.048.387.673
+ Vé máy bay	4.488.502.057	3.533.477.316
Giá vốn xây dựng	963.861.199.287	442.994.335.384
Giá vốn kinh doanh BĐS đầu tư	4.529.632.845	64.758.170.855
Cộng	991.267.685.410	577.046.423.527

03. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2022	30/06/2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.584.449.385	40.759.159.731
Cộng	70.584.449.385	40.759.159.731

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

04 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2022	30/06/2021
Lãi tiền vay	18.435.074.673	33.543.955.112
Chi phí phát hành trái phiếu	636.363.635	
Cộng	19.071.438.308	33.543.955.112

05 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2022	30/06/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ	531.114.733	1.455.224.722
Chi phí nhân viên	24.411.317.301	12.822.528.904
Chi phí khấu hao	2.480.490.342	1.906.378.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.410.500.919	281.696.775
Thuế, phí, lệ phí	48.400.925	12.955.455
Các khoản chi phí QLDN khác	19.010.137.518	20.520.412.371
Cộng	74.891.961.738	36.999.196.445

06 . THU NHẬP KHÁC

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2022	30/06/2021
Các khoản khác	4.357.560.488	1.004.648.283
Cộng	4.357.560.488	1.004.648.283

07 . CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2022	30/06/2021
Các khoản khác	50.669.919	92.578.749
Cộng	50.669.919	92.578.749

08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2022	30/06/2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	826.999.487.473	494.520.038.873
Chi phí nhân viên	116.672.762.024	47.771.674.391
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.951.587.061	10.547.322.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.470.754.011	66.443.582.032
Chi phí khác bằng tiền khác	28.062.842.925	30.626.977.012
Cộng	1.115.157.433.494	649.909.595.092

09 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2022	30/06/2021
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20.582.188.868	7.486.575.960
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.582.188.868	7.486.575.960

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Kỳ 6 tháng kết thúc ngày

30/06/2022

30/06/2021

359.861.197.451

492.874.899.818

Kỳ 6 tháng kết thúc ngày

30/06/2022

30/06/2021

155.649.509.591

430.130.209.627

04. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giải đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có
- Thông tin về các bên liên quan: Xem Phụ lục I

04. Thông tin bộ phận**a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

6 tháng đầu năm 2021		Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	72.846.979.321	10.069.026.990	475.030.210.489	82.885.854.805	640.832.071.605	
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.846.979.321	10.069.026.990	475.030.210.489	82.885.854.805	640.832.071.605	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	9.573.872.743	4.048.216.280	32.035.875.105	18.127.683.950	63.785.648.078	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(36.999.196.445)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					26.786.451.633	
Doanh thu hoạt động tài chính					40.759.159.731	
Chi phí tài chính					(33.543.955.112)	
Thu nhập khác					1.004.648.283	
Chi phí khác					(92.578.749)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(7.486.575.960)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					27.427.149.826	
Tổng CP đã phát sinh để mua TSCĐ và các TS dài hạn khác					(39.762.663.400)	
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					(9.580.135.544)	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2022	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	10.975.176.862	14.225.791.286	1.059.579.271.120	13.879.406.910	1.098.659.646.178
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.975.176.862	14.225.791.286	1.059.579.271.120	13.879.406.910	1.098.659.646.178
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.645.357	2.316.469.513	95.718.071.833	9.349.774.065	107.391.960.768 (74.891.961.738)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					32.499.999.030
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					70.584.449.385
Doanh thu hoạt động tài chính					(19.071.438.308)
Chi phí tài chính					4.357.560.488
Thu nhập khác					(50.669.919)
Chi phí khác					(20.582.188.868)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					67.737.711.808
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(188.635.667.176)
Tổng CP đã phát sinh để mua TSCĐ và các TS dài hạn khác					(26.108.387.059)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					

b. Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý

6 tháng đầu năm 2021	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	73.746.470.133	235.142.532.180	331.943.069.292	640.832.071.605
Tài sản bộ phận	722.256.818.070	2.302.934.591.701	3.250.977.905.447	6.276.169.315.218
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(39.762.663.400)
6 tháng đầu năm 2022	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	121.471.571.953	478.031.428.047	499.156.646.178	1.098.659.646.178
Tài sản bộ phận	804.505.775.325	3.166.000.393.898	3.305.912.636.064	7.276.418.805.287
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(188.635.667.176)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỀ O CÁ

Địa chỉ: 32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
6 tháng đầu năm 2022**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**a) Tài sản tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	797.936.671.072	1.218.946.678.670	797.936.671.072	1.218.946.678.670
Phải thu khách hàng	811.231.760.671	891.250.606.582	811.231.760.671	891.250.606.582
Trả trước cho người bán	606.236.381.233	501.596.738.394	606.236.381.233	501.596.738.394
Các khoản phải thu khác	574.790.726.378	384.987.991.658	574.790.726.378	384.987.991.658
Đầu tư tài chính ngắn hạn	55.107.100.000	55.107.100.000	55.107.100.000	55.107.100.000
Cho vay	1.755.979.404.800	855.793.717.664	1.755.979.404.800	855.793.717.664
Đầu tư tài chính dài hạn	1.455.531.352.779	1.464.131.352.779	1.455.531.352.779	1.464.131.352.779
Cộng	6.056.813.396.933	5.371.814.185.747	6.056.813.396.933	5.371.814.185.747

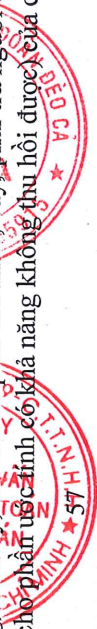
b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải trả cho người bán	656.543.701.528	970.715.760.910	656.543.701.528	970.715.760.910
Người mua trả tiền trước	1.011.418.761.478	985.559.062.481	1.011.418.761.478	985.559.062.481
Vay và nợ	614.203.020.920	422.887.572.896	614.203.020.920	422.887.572.896
Phải trả người lao động	16.808.495.374	14.583.240.415	16.808.495.374	14.583.240.415
Các khoản phải trả khác	222.116.713.648	218.988.111.734	222.116.713.648	218.988.111.734
Cộng	2.521.090.692.948	2.612.733.748.436	2.521.090.692.948	2.612.733.748.436

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ứng cầm cố khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có năm hạn ngắn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hỏi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	656.543.701.528			656.543.701.528
Người mua trả tiền trước	28.015.105.654	983.403.655.824		1.011.418.761.478
Vay và nợ	233.932.041.861	380.270.979.059		614.203.020.920
Chi phí phải trả	23.281.120.087			23.281.120.087
Các khoản phải trả phải nộp khác	171.383.465.428	30.446.000.000		201.829.465.428
Cộng	1.113.155.434.558	1.394.120.634.883		2.507.276.069.441

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 kết thúc tại ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Công Nghĩa

Lê Việt Anh



Nguyễn Văn Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

01. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- **Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan**

- **Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị

Hồ Minh Hoàng Chủ tịch 180.000.000 162.000.000

Lưu Xuân Thủy Phó chủ tịch 120.000.000 108.000.000

Võ Thụy Linh Phó chủ tịch 120.000.000 85.689.450

Nguyễn Tấn Đông Phó chủ tịch 300.000.000

Trần Văn Thế Phó chủ tịch đến ngày 09/12/2021 120.000.000 85.479.000

Phan Văn Thắng Phó chủ tịch 120.000.000

Phùng Tiến Thành Phó chủ tịch 120.000.000 64.800.000

Nguyễn Quốc Ánh Phó chủ tịch 120.000.000

Nguyễn Hữu Hùng Phó chủ tịch 120.000.000

Nguyễn Văn Hải Thành viên 120.000.000

Nguyễn Thanh Trang Thành viên đến ngày 30/06/2021 44.186.000

2. Ban Kiểm soát 150.000.000

Lê Việt Anh Trưởng Ban đến ngày 01/06/2022 75.000.000

Tôn Quang Hùng Trưởng Ban 15.000.000

Nguyễn Thanh Duy Thành viên 30.000.000

Phan Thị Bảo Trâm Thành viên 30.000.000

Tiền lương Ban Tổng giám đốc 3.506.207.581 1.516.000.000

Nguyễn Văn Hải Tổng Giám đốc 423.137.005 105.000.000

Hồ Đình Chung Tổng Giám đốc 337.591.550 72.000.000

Ngo Trường Nam Tổng Giám đốc 212.181.818 90.000.000

Nguyễn Quang Vĩnh Tổng Giám đốc 318.188.833

Cao Ngọc Nam Phó Tổng Giám đốc 353.067.759 240.000.000

Nguyễn Văn Sáng Phó Tổng Giám đốc 137.926.397 60.000.000

Nguyễn Hữu Hùng Phó Tổng Giám đốc 770.704.055 240.000.000

Nguyễn Văn Dũng Phó Tổng Giám đốc 166.464.781 30.000.000

Phạm Duy Hiếu Phó Tổng Giám đốc 351.897.371 80.000.000

Nguyễn Quang Dũng Phó Tổng Giám đốc 7.954.545 149.000.000

Phạm Lê Huy Phó Tổng Giám đốc 149.562.761

Vũ Văn Hưng Phó Tổng Giám đốc đến ngày 01/08/2021 210.000.000

Lê Việt Anh Kế toán Trưởng 277.530.706 240.000.000

Tiền lương Ban kiểm soát 409.949.494 108.000.000

Tôn Quang Hùng Trưởng Ban kiểm soát 278.788.280

Nguyễn Thanh Duy Thành viên

Phan Thị Bảo Trâm Thành viên 131.161.214 108.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

02 . Giao dịch các bên liên quan khác:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông
Công ty TNHH Đèo Cả Capital (Tên cũ là Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả)	Cổ đông
Võ Thụy Linh	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty Con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty Con
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty Con
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty Con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty Con
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty Con
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty Con
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty Con
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghi	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	Người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, Nguyễn Quốc Ánh, Nguyễn Hữu Hùng
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Người có liên quan của ông Ngô Trường Nam, Lê Việt Anh, Nguyễn Quốc Ánh
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông, Nguyễn Văn Hải, Hồ Đình Chung, Nguyễn Quốc Ánh
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông, Phạm Lê Huy
Công ty CP Xây Dựng Đèo Cả	Người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Ánh, Phạm Lê Huy, Phạm Duy Hiếu, Nguyễn Hữu Hùng
Công ty CP Đầu tư và phát triển thương mại Trung Hải	Người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Người có liên quan của ông Hồ Đình Chung, Nguyễn Quang Dũng, Nguyễn Quốc Ánh
Công ty CP Vật liệu Hải Thạch	Người có liên quan của ông Phạm Lê Huy, Nguyễn Quốc Ánh
Công ty CP Quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cả	Người có liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Tấn Đông



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Hồ Minh Hoàng	- Góp vốn chủ sở hữu	367.506.640.000	
Võ Thụy Linh	- Góp vốn chủ sở hữu	170.348.520.000	
Nguyễn Quốc Ánh	- Góp vốn chủ sở hữu	10.000.000.000	
Nguyễn Hữu Hùng	- Góp vốn chủ sở hữu	72.200.000	
Nguyễn Văn Hải	- Hoàn ứng	100.000.000	
Hồ Đình Chung	- Phải thu khác		10.044.700.000
Cao Ngọc Nam	- Góp vốn chủ sở hữu	754.230.000	
Nguyễn Văn Sáng	- Góp vốn chủ sở hữu	168.050.000	
Phạm Duy Hiếu	- Góp vốn chủ sở hữu	862.150.000	
Nguyễn Quang Huy	- Góp vốn chủ sở hữu	490.190.000	
Lê Việt Anh	- Góp vốn chủ sở hữu	254.700.000	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Thu gốc cho vay	203.200.000.000	60.000.000.000
	Cho vay		297.000.000.000
	Thu tiền chuyển nhượng cổ phần		85.020.000.000
	Thu lãi cho vay	12.236.289.543	624.000.000
	Nhận tiền góp vốn	138.000.000.000	
	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	262.824.000	262.824.000
	Lãi cho vay	3.966.597.260	10.543.232.877
	Mua hàng hóa, dịch vụ	165.656.565	222.581.818
	Lãi đi vay	14.671.984	
	Cho vay	12.500.000.000	66.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Thu gốc cho vay	7.100.000.000	231.500.000.000
	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	30.650.813.456	11.516.142.684
	Lãi cho vay	1.660.027.131	6.007.950.270
	Mua hàng hóa, dịch vụ	28.258.978.380	2.884.583.217
	Cho vay	23.000.000.000	
	Thu gốc cho vay	23.000.000.000	
	Mua hàng hóa, dịch vụ	122.580.304.142	67.231.413.694
	Vay tiền	30.451.336.547	8.808.928.013
	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	2.800.294.913	1.392.417.060
	Lãi cho vay	353.506.849	
Lãi đi vay	98.586.301		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Cho vay		
	Thu gốc cho vay		
	Mua hàng hóa, dịch vụ		
	Vay tiền		
	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ		
	Lãi cho vay		
	Lãi đi vay		
	Cho vay		
	Thu gốc cho vay		
	Mua hàng hóa, dịch vụ		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

6 tháng đầu năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	4.877.098.996	4.850.100.348
	Mua hàng hóa, dịch vụ	5.806.138.000	4.141.471.665
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	17.332.959	3.858.378
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	1.585.645.936	10.571.884.432
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	478.278.107.203	1.069.549.288
	Cho vay	20.950.000.000	
	Lãi cho vay	4.436.914.829	
	Mua hàng hóa, dịch vụ	7.562.155	
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	146.357.678	27.840.195
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Cho vay	198.184.074.924	
	Thu gốc cho vay	22.994.631.431	
	Góp vốn	7.300.000.000	195.700.000.000
	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	151.239.721.131	279.652.186
	Lãi cho vay	13.183.712.376	
	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.300.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Trả lãi vay	111.000.000	
	Cho vay		200.000.000
	Lãi cho vay		3.051.210.959
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cho vay	680.500.000.000	92.500.000.000
	Thu gốc cho vay	4.000.000.000	
	Trả nợ gốc vay	30.000.000.000	
	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	64.419.172	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Lãi cho vay	15.613.917.808	897.112.725
	Lãi đi vay	256.438.356	
	Mua hàng hóa, dịch vụ	10.622.915	
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	477.657.337.315	247.308.151.064
	Ký quỹ ký cược	25.305.290.820	330.194.780
	Cho vay	20.950.000.000	5.880.000.000
	Thu gốc cho vay		2.000.000.000
	Lãi cho vay	4.432.531.267	82.532.857
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cà	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	85.034.477.552	126.826.573.009
	Nhận tiền đi vay		240.799.991.337
	Thanh toán nợ gốc vay		164.208.128.322
	Mua hàng hóa, dịch vụ	197.888.449.297	160.537.929.704
Công ty CP Tập đoàn ĐT XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	10.450.330	
	Cho vay		31.000.000.000
	Thu gốc cho vay		1.000.000.000
	Lãi cho vay	1.146.498.630	946.191.781
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Thạch	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	2.951.429	
Công ty cổ phần Bất Động Sản Đèo Cà	Cho vay	187.000.000.000	
	Thu gốc cho vay	167.000.000.000	
	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	4.472.427	46.333.636
	Lãi cho vay	3.528.252.053	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mua hàng hóa, dịch vụ

1.275.993.000

2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

30/06/2022

01/01/2022

PHẢI THU VỀ CHO VAY

1.301.744.676.902

517.288.989.766

+ Công ty cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả

Phải thu về cho vay ngắn hạn

103.000.000.000

+ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Phải thu về cho vay ngắn hạn

13.730.000.000

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch

Phải thu về cho vay ngắn hạn

203.200.000.000

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả

Phải thu về cho vay ngắn hạn

42.131.895.603

+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long

Phải thu về cho vay ngắn hạn

36.731.895.603

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Phải thu về cho vay ngắn hạn

11.000.000.000

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc

Phải thu về cho vay ngắn hạn

676.500.000.000

+ Công ty CP Tập đoàn ĐT XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên

Phải thu về cho vay ngắn hạn

28.900.000.000

+ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Phải thu về cho vay dài hạn

94.426.429.276

+ Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo

Phải thu về cho vay dài hạn

343.056.352.023

PHẢI THU KHÁCH HÀNG

634.372.639.757

+ Công ty cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả

Phải thu về cung cấp dịch vụ khác

441.328.770

+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn

Phải thu về cung cấp dịch vụ xây dựng

118.136.878.144

+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

95.349.930

+ Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.645.361.942

+ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Phải thu về cung cấp dịch vụ xây dựng

112.252.800.282

+ Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo

Phải thu về cung cấp dịch vụ xây dựng

35.831.997.195

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Phải thu về cung cấp dịch vụ xây dựng

279.139.803.641

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
6 tháng đầu năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

+ Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả

Phải thu về cung cấp dịch vụ khác

21.036.330

Đơn vị tính: VND

21.036.330

2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan

Nội dung nghiệp vụ

30/06/2022

01/01/2022

PHẢI THU KHÁCH HÀNG

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch

Phải thu về cung cấp dịch vụ khác

86.808.083.523

119.181.781.525

+ Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Thạch

Phải thu về cung cấp dịch vụ khác

1.057.893.307

768.786.907

+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả

Phải thu về cung cấp dịch vụ xây dựng

3.203.361

771.750

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả

Phải thu về cung cấp dịch vụ xây dựng

34.741.756.480

73.331.413.874

+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long

Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

38.713.035.394

32.423.041.004

+ Công ty TNHH Đèo Cả Capital

Phải thu về cung cấp dịch vụ khác

335.624.850

6.485.582.666

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Phải thu về cung cấp dịch vụ khác

670.739.060

335.624.850

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc

Phải thu về cung cấp dịch vụ khác

69.572.706

146.940.155

+ Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Phải thu về cung cấp dịch vụ khác

165.659.751

106.900.000

+ Công ty CP Tập đoàn ĐT XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên

Phải thu về cung cấp dịch vụ khác

10.943.698.614

5.582.720.319

+ Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả

Phải thu về cung cấp dịch vụ khác

175.578.497.687

125.056.728.383

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả

Trả trước cho người bán ngắn hạn

113.371.992.948

71.169.679.566

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Trả trước cho người bán ngắn hạn

13.950.019.272

8.556.967.944

+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả

Trả trước cho người bán ngắn hạn

13.868.293.979

33.487.391.488

+ Công ty CP Tập đoàn ĐT XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên

Trả trước cho người bán ngắn hạn

900.800.000

11.842.689.385

+ Công ty cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả

Trả trước cho người bán ngắn hạn

+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long

Trả trước cho người bán ngắn hạn



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Địa chỉ: 32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
6 tháng đầu năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2022	01/01/2022
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC			
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	468.825.803.834	524.608.964.211
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	25.843.360	25.843.360
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	524.054.900	524.054.900
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.926.696.592	6.926.696.592
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.189.127.017	20.689.127.017
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Người mua trả tiền trước dài hạn	543.049.416	8.734.516
+ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người mua trả tiền trước dài hạn		543.049.416
+ Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Người mua trả tiền trước dài hạn	366.657.992.356	142.921.777.470
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Người mua trả tiền trước dài hạn	27.191.086.502	296.978.594.438
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Người mua trả tiền trước dài hạn	51.767.953.691	27.191.086.502
			28.800.000.000
VAY VÀ THUẾ TÀI CHÍNH			
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Vay ngắn hạn phải trả		33.343.788.093
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Vay ngắn hạn phải trả		743.788.093
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Vay ngắn hạn phải trả		2.600.000.000
			30.000.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2022	01/01/2022
PHẢI THU KHÁC		140.756.477.963	94.199.733.494
+ Công ty cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Phải thu về lãi cho vay	3.852.197.258	
+ Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Phải thu về lãi cho vay	323.064.000	323.064.000
+ Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Phải thu về lãi cho vay	230.877.270	230.877.270
	Ký quỹ, ký cược	36.170.215.320	10.864.924.500
+ Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Phải thu về lãi cho vay	4.383.562	4.383.562
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Phải thu về lãi cho vay	3.065.863.014	3.065.863.014
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Phải thu về lãi cho vay	4.303.095.023	4.303.095.023
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Phải thu về lãi cho vay	24.490.520.434	22.830.493.303
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Phải thu về lãi cho vay		
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Phải thu khác	3.660.218.488	382.584.615
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Phải thu về lãi cho vay	15.677.231.767	59.039.987
+ Công ty CP Tập đoàn ĐT XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Phải thu về lãi cho vay	3.281.906.850	2.135.408.220
+ Ông Hồ Minh Hoàng	Phải thu khác	50.000.000.000	50.000.000.000
PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN		248.129.968.494	535.294.710.641
+ Công ty cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ khác		
+ Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ khác	189.851.000	189.851.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
6 tháng đầu năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ khác	1.140.000.000	960.000.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	113.656.591.477	248.680.751.431
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	96.869.535.735	211.651.377.893

2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan

30/06/2022

01/01/2022

PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	32.838.722.802	72.393.109.517
+ Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ khác	3.435.267.480	1.419.620.800

PHẢI TRẢ KHÁC

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Phải trả khác	27.091.005.944	30.439.444.659
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Phải trả khác	14.998.028	14.998.028
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Phải trả khác	25.301.270.791	23.726.473.121
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Phải trả khác	219.747.945	3.400.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Phải trả khác	1.419.987.208	1.616.986.302
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Phải trả khác	100.000.000	1.530.987.208
+ Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Nhận ký quỹ, ký cược	72	100.000.000
	Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000

